

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 26/11/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 14/02/2018, vợ chồng ông T, bà H có cho bà Tống Thị Minh P vay số tiền 250.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, buôn bán, phục vụ đời sống gia đình, chữa bệnh cho ông T. Khi cho vay chỉ có mình bà P, tuy nhiên ông T cũng biết về số nợ trên. Giấy mượn nợ ngày 14/02/2018 do chính tay bà Tống Thị Minh P viết và ký tên. Theo giấy mượn nợ này hai bên không thỏa thuận lãi, bà P hẹn sẽ trả số nợ gốc vào ngày 07/3/2018. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà P vẫn không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông bà. Mặc dù, ông bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng bà P cố tình trốn tránh. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, cùng lãi phát sinh kể từ ngày 08/3/2018 đến khi giải quyết xong vụ án, mức lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên đến ngày 15/3/2019 vợ chồng ông T, bà P có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu mức lãi suất 0.83%/tháng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà của vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T để tổng đạt các văn bản tố tụng, bà P, ông T cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau: Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ vay là 250.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 14/02/2018. Bị đơn và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ và sinh sống ở xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Tống Thị Minh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H yêu cầu vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 250.000.000 đồng, cùng với tiền lãi tính từ ngày 08/3/2018 đến ngày xét xử là 07/5/2018 (13 tháng 29 ngày), mức lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy mượn nợ ngày 14/02/2018 là phía bị đơn bà Tống Thị Minh P có vay của nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/3/2018, theo nguyên đơn trình bày giấy mượn nợ này do bà Tống Thị Minh P viết và ký tên, đến nay bà P chưa trả nợ. Do bị đơn bà Tống Thị Minh P không đến Tòa án để tham dự phiên tòa, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn bà Tống Thị Minh P có vay tiền của nguyên đơn với số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Tống Thị Minh P, ông Lê Văn T phải trả lãi tính từ ngày 08/3/2018 đến ngày xét xử là 07/5/2019 (13 tháng 29 ngày), mức lãi suất 0.83%/tháng. Xét, theo giấy mượn nợ ngày 14/02/2018 thì hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm là ngày 08/3/2018 đến ngày xét xử, với lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn T với số tiền nợ trên. Mặc dù, ông Lê Văn T không phải là người trực tiếp vay tiền, nhưng bà P và ông T là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà P.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H số tiền nợ, cụ thể:

+ Tiền nợ gốc: 250.000.000đồng.

+ Tiền nợ lãi được tính cụ thể như sau: 250.000.000đồng x 0.83%/tháng x 13 tháng 29 ngày = 28.980.800đồng.

Tổng cộng số tiền nợ buộc vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H là: 278.980.800đồng.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T phải chịu 278.980.800đồng X 5% = 13.949.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H. Buộc vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T trả cho vợ chồng ông Nguyễn

Văn T và bà Lê Thị Kim H số tiền nợ là 278.980.800đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám chục ngàn tám trăm đồng), trong đó gồm: tiền nợ gốc 250.000.000đồng và tiền nợ lãi 28.980.800đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T phải chịu 13.949.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.280.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0023309 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Tống Thị Minh P và ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

